

LÃNH TỰ NGUYỄN ÁI QUỐC VỚI QUYẾT ĐỊNH THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG KHI NGƯỜI VỀ NƯỚC NĂM 1941

TS LÊ THỊ QUỲNH NGÀ

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội*

Ngày nhận:

30-12-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

5-1-2026

Ngày duyệt đăng:

10-1-2026

Tóm tắt: Mùa Xuân năm 1930, Hội nghị thành lập Đảng thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên - được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất, tháng 10-1930 quyết định “thủ tiêu Cương lĩnh”. Từ đó, quan điểm chỉ đạo và đường lối đấu tranh cách mạng ở Việt Nam bị chi phối bởi quan điểm giai cấp, đấu tranh giai cấp của Quốc tế Cộng sản. Năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước, cùng Trung ương Đảng quyết định “thay đổi chiến lược”, dồn toàn lực vào chiến lược dân tộc giải phóng, quy tụ lực lượng dân tộc rộng lớn dưới ngọn cờ Việt Minh, làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Từ khóa:

Nguyễn Ái Quốc; thay đổi chiến lược cách mạng; năm 1941

1. Nhận thức của Đảng về đường lối cách mạng Việt Nam trước khi Nguyễn Ái Quốc về nước

Án nghị quyết tại Hội nghị tháng 10-1930 và quyết định thủ tiêu chánh cương, sách lược và Điều lệ cũ của Đảng

Đầu năm 1930, trước yêu cầu lịch sử cần phải có một Đảng thống nhất của Việt Nam và dẫn hướng cho phong trào yêu nước phát triển, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về Hương Cảng,

Trung Quốc, triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản và sáng lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thành lập Đảng đã thông qua “Chánh cương văn tắt của Đảng”, “Sách lược văn tắt của Đảng”, “Điều lệ tóm tắt của Đảng cộng sản Việt Nam”, định hướng công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và các thế lực tay sai, giành độc lập tự do hoàn toàn cho Việt Nam.

Tuy nhiên, đến tháng 10-1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất đã quyết định “Thủ tiêu chánh cương sách lược và Điều lệ cũ của Đảng”¹, với lý do: hội nghị họp nhất “chỉ lo đến việc phản đế, mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh”². Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất đã quyết định “thủ tiêu” Chánh cương, ban hành *Luận cương chánh trị của Đảng Cộng sản Đông Dương*, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản (QTCS). Đồng thời quyết định bỏ tên “Việt Nam Cộng sản Đảng”, lấy tên mới là “Đông Dương Cộng sản Đảng”³.

Sở dĩ có sự thay đổi nêu trên là do Hội nghị tháng 10-1930 “nhận thức thiếu chính xác và giáo điều về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng tư sản dân quyền ở một nước thuộc địa, lại hiểu biết không đầy đủ về tình hình, đặc điểm của xã hội, giai cấp và dân tộc ở Việt Nam. Đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp của khuynh hướng “tả” và biệt phái giai cấp của Quốc tế Cộng sản... cho nên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đứng đầu là Trần Phú đã không nêu cao được yếu tố dân tộc lên hàng đầu... không đề ra được một chiến lược liên minh giai cấp và dân tộc rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống lại đế quốc Pháp và tay sai, thậm chí còn phủ nhận cả vai trò cách mạng của giai cấp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của giai cấp tư sản bản xứ, cường điệu mặt tiêu cực của họ, không thấy được khả năng phân hoá và liên minh với một bộ phận của giai cấp địa chủ trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc... Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi, là viên ngọc quý nhất được khảm trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Cương lĩnh Hồ Chí Minh”⁴. Và từ cuối tháng 10-1930 cũng đánh dấu mốc gần một thập kỷ nhận thức quanh co về các vấn đề chiến lược cách mạng trong Đảng.

Những nhận thức quanh co về chiến lược cách mạng những năm 1930-1940

Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, phong trào đấu tranh phát triển rầm rộ ở nhiều địa phương. Trong các cuộc đấu tranh đó, không chỉ có công nông mà còn có các tầng lớp trí thức, một số sĩ phu, phú nông, trung, tiểu địa chủ và quan lại nhỏ ở nông thôn đã tham gia tích cực. Đó là một sự thật lịch sử, bước đầu minh chứng tính hiện thực về sức mạnh của quần chúng, của tinh thần đoàn kết, yêu nước của nhân dân, dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Tuy nhiên, do tác động từ đường lối của Luận cương chánh trị, trong thực tế hoạt động cách mạng, phong trào đấu tranh chưa được phát triển rộng khắp trong quần chúng nhân dân. Ngày 18-11-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ rõ: “tổ chức cách mạng vẫn đơn thuần công nông và là một màu sắc nhất định, như: Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên đỏ, Sinh hội đỏ và Cứu tế đỏ: do đó thiếu một tổ chức thật quảng đại quần chúng, hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào tầng lớp giữa cũng vậy, và cho tới cả những người địa chủ có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia”⁵. Cùng thời gian đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra bản Chỉ thị về vấn đề thành lập Hội phản đế đồng minh, nhắc lại tư tưởng cách mạng đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, và khắc khục những nhược điểm của Luận cương tháng 10-1930. Chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương coi việc đoàn kết toàn dân trong một mặt trận dân tộc rộng rãi là một điều kiện đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chỉ thị phê phán những nhận thức sai lầm trong Đảng, như tách rời vấn đề dân tộc và giai cấp, đã coi nhẹ vai trò của Hội phản đế đồng minh trong cách mạng tư sản dân quyền ở thuộc địa.

Trên thực tế, trong cao trào cách mạng 1930-1931, ở Nghệ An và Hà Tĩnh vẫn có các tầng lớp trên phân hóa, nhiều trí thức và một số sĩ phu, một số trung, tiểu địa chủ có xu hướng cách mạng rõ ràng. Qua khủng bố trắng dữ dội, họ vẫn cố gắng bám sát và âm thầm ủng hộ cách mạng, nhất là tiểu địa chủ và phú nông, trung nông hạng trên... địa chủ, phú nông và một số quan lại nhỏ, sĩ phu nhỏ đã phân hoá và một số đã nghiêng về phía cách mạng ở các địa phương thuộc Trung và Bắc kỳ...⁶.

Mặc dù có được quyết định kịp thời và sáng suốt nêu trên, nhưng chủ trương này chưa được Ban Chấp hành Trung ương Đảng quán triệt và đưa vào thực tiễn. Trái lại khuynh hướng “tả” vẫn còn nặng nề trong Đảng. Việc coi trọng vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp tiếp tục được biểu hiện rõ trong “Thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ” ngày 9-12-1930 và các văn kiện khác của Đảng trong những năm 1931-1933.

Năm 1935, chủ nghĩa phát xít hình thành và ráo riết chuẩn bị phát động cuộc chiến tranh thế giới. Quốc tế Cộng sản đã chủ trương chuyển hướng, kêu gọi thành lập mặt trận nhân dân thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình. Cuối tháng 7-1936, tại Thượng Hải (Trung Quốc), Trung ương Đảng đã thẳng thắn nhận thức một số sai lầm trong Đảng và khẳng định: “trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc... Kinh nghiệm thời gian qua chỉ cho chúng ta rằng... đấu tranh riêng rẽ chỉ làm cho Đảng xa rời quần chúng và không khi nào giành được thắng lợi trước kẻ thù được tổ chức tốt và có vũ khí tốt”⁷. Trung ương Đảng đi tới dứt khoát rằng phải tập trung vào chống đế quốc xâm lược phản động Pháp, đòi tự do, dân chủ; phải thành lập Mặt trận dân tộc phản đế ở Đông Dương. Mặt trận ấy phải trở thành tổ chức công khai nhất

của đông đảo quần chúng, phải bao gồm tất cả các đảng phái, các nhóm khác, các tổ chức quần chúng, các hội thể thao, hợp tác, hội sinh viên, hội nhà báo, hội luật gia và hội các nhà văn...⁸

Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề Chiến sách mới của Đảng* ngày 30-10-1936, Trung ương Đảng đã nêu rõ hai điều rất cơ bản về chiến lược cách mạng và về đảng cộng sản. Về chiến lược: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa... lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng...”. Đảng Cộng sản Đông Dương là đảng của dân chúng bị áp bức, đội tiên phong cho cuộc giải phóng dân tộc ở Đông Dương⁹. Đây cũng là cơ sở rất quan trọng cho việc nhận thức mới vấn đề chiến lược cách mạng vốn tồn tại rất lâu mối quan hệ phụ thuộc giữa vấn đề dân tộc và giai cấp. Với chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương, Trung ương cũng chỉ rõ nhất thiết phải hướng đến những vấn đề dân tộc: “Đông Dương là xứ thuộc địa... Nhiệm vụ của Đảng Cộng sản ở đó không những phải thâm phục đa số thợ thuyền, mà còn cần phải thâm phục quảng đại quần chúng nông dân và tiểu tư sản ở thành thị. Đồng thời trong lúc lập mặt trận rộng rãi chúng ta lại phải thâm phục hết các lớp trong nhân dân”; “Đảng Cộng sản Đông Dương cần phải là đảng của dân chúng bị áp bức, đội tiên phong cho cuộc dân tộc giải phóng”¹⁰.

Chủ trương trên đánh dấu một bước trưởng thành trong tư duy chiến lược và thực tế hoạt động của Mặt trận dân tộc phản đế, giúp ích rất quan trọng cho hệ thống cơ sở Đảng thoát dần ra khỏi quan điểm “tả khuynh”, giáo điều đấu tranh giai cấp của Đại hội VI QTCS. Chính điều đó thúc đẩy cho Đảng tập trung phát động lực lượng dân tộc rộng lớn đấu tranh trong cao trào dân chủ 1936-1939.

Chiến tranh thế giới II bùng nổ đầu tháng 9-1939. Tại Đông Dương, tháng 9-1940, phát xít

Nhật nhảy vào và câu kết với thực dân Pháp cùng thống trị nhân dân. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 11-1939 nhận định: Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Trung ương đã đề ra chủ trương phải “thay đổi chính sách”, bởi sự bóc lột tàn ác của đế quốc Pháp ở Đông Dương để cung cấp cho chiến tranh sẽ làm cho... cuộc cách mạng đánh đổ đế quốc Pháp... nhất định nổ bùng... Ngày nay phải thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập....¹¹

Tuy nhiên chỉ sau đó một năm, HNTU tháng 11-1940 lại nhận định cuộc cách mạng tư sản Đông Dương có hai mâu thuẫn chính, mâu thuẫn cơ bản thứ nhất là phong kiến và cần phải làm cách mạng thổ địa, thủ tiêu các tàn tích phong kiến chia lại ruộng đất cho dân cày. Mâu thuẫn thứ hai là với chủ nghĩa đế quốc và phải làm cuộc cách mạng phản đế đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc làm cho Đông Dương độc lập. “Như thế cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại phải bao gồm có hai tính: phản đế và thổ địa”¹².

Khi chiến tranh phát xít bùng nổ, quyền lợi dân tộc nguy vong không lúc nào bằng, việc trở lại với nhận thức tiến hành song song hai chiến lược cách mạng “điền địa và phản đế” gây nên những tác hại rất nguy hiểm. Cách mạng không những không biết nhằm vào vấn đề trung tâm nhất để giải quyết mà còn đẩy nhiều lực lượng dân tộc về phe đế quốc trong khi họ đã bị lao vào vòng phá sản nặng nề bởi chiến tranh và cũng chán ghét đế quốc, phát xít đến cao độ. Nếu thời điểm đó, lực lượng dân tộc không được thống nhất và tập trung rộng lớn, cách mạng giành độc lập, tự do cho dân tộc khó có thể thắng lợi.

2. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước năm 1941 và cùng với Trung ương Đảng quyết định thay đổi chiến lược cách mạng

Năm 1935, khi QTCS chuyển hướng chiến lược sang vận động nhân dân thế giới chống chiến tranh và chủ nghĩa phát xít, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Liên Xô với tư cách là đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương ở QTCS và học tập tại trường Đại học Phương Đông, làm nghiên cứu sinh tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa¹³. Tại Đại hội VII QTCS, tháng 7-1935, Người đã tham gia với tư cách là đại biểu của Ban Phương Đông của QTCS và thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương tại Đại hội¹⁴. Hành trình hoạt động tại QTCS của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thể hiện bản lĩnh, trí tuệ kiên cường. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Người vẫn luôn tuân thủ nguyên tắc của QTCS và luôn tìm cơ hội để được trở về Tổ quốc. Vào giữa năm 1938, sau nhiều nỗ lực viết thư, báo các đồng chí phụ trách ở QTCS về tình trạng không được hoạt động của mình, Người xin được trở về nước, và rời Liên Xô đến Trung Quốc¹⁵. Tại đây, Người đã hoạt động với tư cách là đại diện của QTCS, nghiên cứu tình hình chủ nghĩa phát xít, chiến tranh và các vấn đề ở Trung Quốc và Đông Dương... Trong báo cáo gửi Ban Chấp hành QTCS cuối tháng 7-1939, Nguyễn Ái Quốc thông báo đã liên lạc được với các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong nước sau nhiều nỗ lực viết rất nhiều bài báo gửi về trong nước và đăng trên tờ *Notre Voix* (*Tiếng nói của chúng ta*) tuần báo công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương và tờ *Đời Nay* cho các đồng chí biết¹⁶. PGS Lê Mậu Hãn viết trong sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua số lượng khoảng 19 tờ báo và 4 báo cáo gửi QTCS, thấy rõ Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu rất sâu sát tình hình ở Đông Dương và tham gia

lãnh đạo phong trào cách mạng vào giữa năm 1939 trở đi. Điều đặc biệt quan trọng là hơn hai năm ở tại Trung Quốc, Người không chỉ hiểu được vấn đề chiến tranh phát xít mà còn hiểu được chính sách của Tưởng Giới Thạch và Người cũng đã tìm mọi cách để có cơ hội thuận lợi trở về Tổ quốc.

Trong năm 1940 cho đến trước khi trở về nước, Người đã mở được nhiều lớp huấn luyện cho các đồng chí, chủ yếu là các thanh niên ở trong nước sang Trung Quốc, có lớp lên đến 40 người và đã được đưa về nước vào cuối năm 1940¹⁷. Người đã cùng với các đồng chí ở Bộ Hải ngoại¹⁸ liên tục họp bàn và chuẩn bị đường lối chiến lược mới của Đảng.

Mặc dù vô cùng khó khăn để trở về nước, nhưng với những nỗ lực không ngừng, vào sáng ngày 28-1-1941, Người đã đặt chân lên đất Cao Bằng sau 30 năm xa Tổ quốc. Trở về nước, sau khi nghiên cứu tình hình, Người viết báo và chuẩn bị triệu tập cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ ngày 10 đến 19-5-1941, trong vai trò đại diện QTCS, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tại Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã chỉ rõ, các dân tộc Đông Dương bị áp bức quá nặng nề bởi hai tầng giặc Nhật - Pháp. Đế quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức các giai cấp thợ thuyền, dân cày mà còn áp bức, bóc lột cả các dân tộc không thừa một hạng nào. Quyền lợi của tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng. Chính vì vậy, Trung ương Đảng và Nguyễn Ái Quốc đã quyết định nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc lên trên hết. "... cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "Dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng"¹⁹.

Nếu như những bước nhận thức trước đó còn quanh co, còn giáo điều, "tả khuynh" và coi nặng đấu tranh giai cấp thì đến HNTU tháng 5-1941, Trung ương Đảng đã dứt khoát *thay đổi chiến lược* cách mạng, đặt trọng tâm vào cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, cứu dân tộc thoát khỏi tình thế nước sôi lửa bỏng. Đây là sự trở về với tư tưởng giải phóng dân tộc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh đã được nêu lên trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Điều đáng nhấn mạnh là sự *thay đổi chiến lược* cách mạng của Trung ương Đảng không chỉ là đặt trọng tâm vào cách mạng giải phóng dân tộc mà còn phải đứng trên lập trường tôn trọng *Quyền dân tộc tự quyết* của các nước Đông Dương. Khi "đã nói đến vấn đề dân tộc tức là đã nói đến sự tự do độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc. Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý. Một chính phủ cộng hòa mạnh hơn không có quyền bắt các dân tộc nhỏ yếu tuân theo chính sách mình... Văn hoá của mỗi dân tộc sẽ được tự do phát triển, tồn tại và được bảo đảm. Sự tự do, độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng. Riêng dân tộc Việt Nam, một dân tộc đông và mạnh hơn hết ở Đông Dương, sau lúc đánh đuổi được Pháp-Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc"²⁰. Đây là một tư tưởng vượt xa so với nhận thức trước đây về thành lập chính phủ công nông binh của Đảng. Chính quyền nhà nước sẽ được thành lập ấy là của tất cả mọi người dân Việt Nam, trừ bọn tay sai và phản quốc.

Sự thay đổi chiến lược tiếp theo vô cùng quan trọng đó là, Trung ương Đảng và lãnh tụ

Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập Mặt trận Dân tộc: Việt Nam Độc lập Đồng minh, gọi tắt là Việt Minh, cái tên vắn tắt dễ hiểu và có ý nghĩa ấy sẽ hiệu triệu nhân dân dễ dàng và hiệu quả hơn bao giờ hết. Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra *Tuyên ngôn* kính cáo đồng bào: “Nguy cơ diệt vong đã bày ra trước mắt. Hiện thời chúng ta chỉ có một con đường mưu sống là đoàn kết thống nhất, đánh đuổi Nhật, Pháp, trừ khử Việt gian. Mở con đường ấy cho đồng bào “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời...”²¹; “Việc giải phóng của ta phải do ta làm lấy... Ai là người Việt Nam hãy phấn đấu tự cường, hãy tự tin, tự trọng, hãy đoàn kết thống nhất”²². Tất cả với mục tiêu cốt yếu là: “1. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; 2. Làm cho dân Việt Nam được sung sướng tự do”²³. Việt Minh đã thực sự trở thành trung tâm tập hợp, đoàn kết các giai cấp, các đảng phái chính trị và các đoàn thể nhân dân yêu nước, các dân tộc và tôn giáo trong toàn quốc đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật. Việt Minh là một mặt trận đoàn kết dân tộc tiêu biểu về chính trị và tổ chức, đánh dấu sự ra đời hoàn chỉnh của Mặt trận dân tộc thống nhất của cách mạng Việt Nam. Sự ra đời và hoạt động của Việt Minh đã trở thành một nhân tố cơ bản, yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 của Việt Nam.

Không chỉ có “Tuyên cáo của Việt Minh”, trước đó ngày 6-6-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi các bậc phụ huynh, các hiền nhân chí sĩ, các bậc phú hào yêu nước, các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương - đoàn kết lại để đánh đổ bọn đế quốc và tay sai. Trong thư Người đã viết: “Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền

góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề”²⁴. Lời lẽ đơn giản, dễ đi vào lòng dân cùng với sự cam kết thực tâm của người đứng đầu càng tạo nên sức cuốn hút mãnh liệt, để tất thảy mọi người dân, ai ai cũng muốn dồn tâm, dồn sức cho công cuộc cứu nước, cứu nòi.

Dưới lá cờ Việt Minh, các giai cấp, các tầng lớp nhân dân được tổ chức vào các hội cứu quốc. Đối với các bậc kỳ hào, địa chủ, tư sản, Đảng đã có sự đánh giá khách quan về năng lực phản đế, tinh thần dân tộc của họ, tổ chức họ vào Việt Nam cứu quốc hội. Nhờ có sự đổi mới về tư duy, chính trị và tổ chức, vượt qua được khuynh hướng “tả”, “biệt phái” nặng nề từ trước, Đảng đã mở rộng vai trò lãnh đạo và tổ chức của mình trong phong trào chống Pháp - Nhật... Từ Pắc Bó, ánh sáng Việt Minh đã tỏa rộng khắp cả nước, từ miền núi, đồng bằng đến đô thị, phong trào đấu tranh chống Pháp - Nhật dâng cao chưa từng có. Các tổ chức cứu quốc càng mở rộng, tinh thần yêu nước càng được khơi dậy mạnh mẽ trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, đặc biệt là trong tầng lớp thanh niên, sinh viên, trí thức ở các đô thị lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Hội truyền bá Quốc ngữ, Hội hướng đạo, Tổng hội sinh viên, nhóm Thanh nghị ngày càng chuyển biến rõ rệt, nhất là Tổng hội sinh viên ở Hà Nội, nhóm sinh viên yêu nước Dương Đức Hiền (gồm có Cù Huy Cận, Nguyễn Dương Hồng, Huỳnh Bá Nhung, Trần Ngọc Tùng, Đặng Ngọc Tốt...) được sự giúp đỡ của các cán bộ Đảng Cộng sản đã lập ra Đảng Dân chủ Việt Nam ngày 30-6-1944 và tuyên bố gia nhập Việt Minh. Đảng Dân chủ Việt Nam ra đời, việc thành lập Hội Văn hóa cứu quốc đã góp phần phá âm mưu chia rẽ, lôi kéo trí thức của Pháp - Nhật và tay sai, giúp trí thức chọn đúng

con đường cứu quốc. Ở Sài Gòn, Xứ ủy Nam Kỳ đã giao cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, một trí thức có uy tín, một đảng viên cộng sản cùng một số trí thức, sinh viên yêu nước đã được Đảng giác ngộ đứng ra tổ chức thanh niên công khai, hợp pháp ở Thành phố. Đó là tổ chức Thanh niên Tiền phong (6-1945). Phong trào Thanh niên Tiền phong phát triển rất nhanh chóng, chỉ trong vòng 3 tháng, Thanh niên Tiền phong đã phát triển khắp Nam Bộ với 1.200.000 đoàn viên. Riêng thành phố Sài Gòn đã có 200.000 đoàn viên với 200 trụ sở đặt ở các đường phố. Thanh niên Tiền phong là một phong trào quần chúng rộng lớn, một hình thức Mặt trận thống nhất công khai có tổ chức do Đảng bộ Nam Kỳ lãnh đạo, sẵn sàng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền²⁵.

Đến giữa tháng 8-1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã phát triển đến đỉnh điểm. Dưới ngọn cờ dân tộc của Hồ Chí Minh, Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã tạo dựng được một ưu thế về sức mạnh dân tộc, sẵn sàng và quyết tâm vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Trong vòng không đầy hai tuần lễ, với ý chí “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” nhân dân cả nước đã đánh đổ toàn bộ ách thống trị của phát xít Nhật và chính phủ Trần Trọng Kim. Vua Bảo Đại cũng xin thoái vị để được làm dân của một nước độc lập. Chính quyền cách mạng đã được thành lập trong cả nước. Ủy ban Giải phóng Dân tộc Việt Nam được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trở về Tổ quốc đúng thời điểm “nước sôi lửa bỏng” của cả dân tộc, với ý chí kiên định con đường đấu tranh giành độc lập, tự do hoàn toàn cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh

cùng Đảng Cộng sản đã quy tụ được sức mạnh dân tộc và phát cao ngọn cờ đoàn kết trong mặt trận Việt Minh, thống nhất tất cả mọi người Việt Nam yêu nước, dứt khoát đặt trọng tâm vào cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Khi đế quốc Pháp - Nhật đã cướp mọi quyền tự do, độc lập thì quyền lợi của nông dân và công nhân cũng phải đặt dưới quyền lợi giải phóng dân tộc của toàn thể nhân dân. Chưa bao giờ tư duy của Đảng lại rõ ràng, dứt khoát và giải quyết xuất sắc vấn đề dân tộc và giai cấp như thời điểm năm 1941. Với sự trở về, chỉ đạo trực tiếp cách mạng trong nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự phát triển tư tưởng giải phóng dân tộc của Người, Đảng đã lãnh đạo toàn dân làm nên thắng lợi vĩ đại Cách mạng tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên mới - *Kỷ nguyên độc lập, tự do* và đi lên CNXH của dân tộc Việt Nam.

1, 2, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 2, tr. 112, 110, 227-228, 227-230

3. *Sđđ*, T. 1, tr. 112-113

4. Lê Mậu Hãn: *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2003, tr. 67

7, 8, 9, 10, 11, 14, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 6, tr. 74, 78-92, 152, 155-156, 537, 767, 485

12, 19, 20, 21, 22, 23. *Sđđ*, T. 7, tr. 67, 119, 113-114, 461, 461-462, 470

13, 15. Chu Đức Tính: *Sức cảm hóa Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2013, tr. 63- 65, 71

17, 18. Nhiều tác giả: *Bác Hồ về nước (Hồi ký cách mạng)*, Nxb Văn học, tái bản có sửa chữa, H, 2006, tr. 29, 12

24. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 3, tr. 230

25. Xem: Lê Mậu Hãn: *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2003, tr. 137-138.